



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: / QĐ - VPCNCL
ngày tháng 03 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thử nghiệm giống cây trồng

Laboratory: Seed testing laboratory

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: Công ty Cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed

Organization: Thai Binh seed group joint stock company

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

Người quản lý/ Laboratory manager: Lê Thị Huyền

Số hiệu/ Code: VILAS 110

Hiệu lực công nhận/ Period of Validation: Kể từ ngày / 03 / 2025 đến ngày / 03 / 2030

Địa chỉ/ Address: 36 phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, Tp Thái Bình,
tỉnh Thái Bình

36 Quang Trung Street, Tran Hung Dao Ward, Thai Binh City,
Thai Binh Province

Địa điểm/Location: Nhà máy chế biến giống cây trồng Vũ Chính- thôn Quyển, xã Vũ Chính,
TP Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Vu Chinh seed processing plant-Quyên village, Vu Chinh commune,
Thai Binh city, Thai Binh province

Điện thoại/Tel: (+84) 2273 830 613

Fax:

E-mail: Seeds-co@hn.vnn.vn

Website: www.thaibinhseed.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 110

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

STT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Hạt giống cây trồng (lúa, ngô, lạc, đậu trương) <i>Crop seeds (rice, maize, ground-nut, soy-bean)</i>	Xác định độ sạch <i>Determination of purity</i>		TCVN 8548:2011
2.		Xác định hạt khác loài <i>Determination of other seeds by munber</i>		
3.		Xác định hạt khác giống <i>Determination of other variety seeds</i>		
4.		Xác định tỷ lệ nảy mầm <i>Determination of germination rate</i>		
5.		Xác định khối lượng 1000 hạt <i>Determination of the mass of 1000 seeds</i>		
6.		Xác định độ ẩm <i>Determination of moisture content</i>		
7.	Hạt giống rau (cải củ, dưa hấu, dưa chuột, su hào, cải bắp) <i>Vegetable seed (radish, watermelon, cucumber, kohlrabi, cabbage)</i>	Xác định độ sạch <i>Determination of purity</i>		
8.		Xác định hạt khác loài <i>Determination of other seeds by munber</i>		
9.		Xác định tỷ lệ nảy mầm <i>Determination of germination rate</i>		
10.		Xác định độ ẩm <i>Determination of moisture content</i>		
11.	Củ giống khoai tây <i>Tuber seed potato</i>	Xác định củ khác giống <i>Determination of other tuber variety</i>		TCVN 8549:2011
12.		Xác định củ xây xước, dị dạng <i>Determination of scratched and deformed tuber</i>		
13.		Xác định kích thước củ <i>Determination of tuber size</i>		

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 110**

STT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
14.	Củ giống khoai tây <i>Tuber seed potato</i>	Xác định bệnh thối khô, thối ướt <i>Determination of dry rot and wet rot</i>		TCVN 8549:2011
15.		Xác định số lượng rệp sáp <i>Determination of quantity of pseudococcus</i>		

Ghi chú/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia/Vietnamese Standard

Trường hợp Công ty Cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Thai Binh seed group joint stock company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

